

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN DƯƠNG KINH
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2022/HS-ST
Ngày 15-3-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN DƯƠNG KINH - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thanh Giản

Ông Cao Văn Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tiến - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2022 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 29/TB ngày 25 tháng 02 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hồng H, sinh ngày 24 tháng 5 năm 1998 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện A, Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Th; chưa có vợ, con; tiền án: Án số 05/2019/HSST ngày 11/3/2019 Tòa án nhân dân quận Kiến An, xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt chính ngày 27/4/2020, chưa thi hành phí dân sự (chưa được xóa án tích); tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 11/2016/HSST ngày 16/3/2016 Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án số 03/2016/HSST ngày 10/3/2016 Tòa án nhân dân huyện An Lão, xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án số 24/2016/HSST ngày 26/5/2016 Tòa án nhân dân huyện An Dương, xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt, Nguyễn Hồng H phải chấp hành 27 tháng tù. Cả ba bản án trên Nguyễn Hồng H phạm tội ít nghiêm trọng khi

chưa đủ 18 tuổi nên không được coi là án tích; bị tạm giữ từ ngày 01/10/2021, đến ngày 08/10/2021 chuyển tạm giam; có mặt.

2. Phạm Đình Đ, sinh ngày 02 tháng 12 năm 1993 tại Hải Phòng. Nơi ĐKHTT: Số 54/169 P, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Ngõ 422 ĐH, phường ĐH, quận K, thành phố Hải Phòng; nghề ngH: Không; trình độ văn hóa: Lớp 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đình C và bà Bùi Thị H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 01/10/2021, đến ngày 08/10/2021 chuyển tạm giam; có mặt.

3. Trương Văn L, sinh ngày 02 tháng 01 năm 1988 tại Nghệ An. Nơi cư trú: Số 249 ĐH, phường ĐH, quận K, Hải Phòng; nghề ngH: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 2/12; dân tộc: Thổ; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn L và bà Trương Thị Th; có vợ là: Đặng Thị H, sinh năm 1992 (đã ly hôn); có 03 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 21/2017/HSST ngày 23/5/2017 Tòa án nhân dân quận Kiến An, xử phạt 10 tháng tù về tội Đánh bạc; Bản án số 52/2017/HSPT ngày 03/8/2017 Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng sửa bản án sơ thẩm, xử phạt 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc (đã được xóa án tích); bị tạm giữ từ ngày 01/10/2021 đến ngày 08/10/2021 chuyển tạm giam, đến ngày 06/01/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt.

- *Bị hại*: Công ty Cổ phần tư vấn và Đầu tư xây dựng 568; trụ sở: Phòng 1805, tầng 18, tòa nhà C, số 1 L, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn H - Giám đốc Công ty; nơi cư trú: Số 20 Paris 25 KĐT VI, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo ủy quyền: Anh Đoàn Hoàng Đ, sinh năm 1979; nơi ĐKKHTT: Tổ dân phố TH, phường TT, quận D, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện tại: Số 69/39 M, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do không có tiền ăn tiêu nên Nguyễn Hồng H nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản và rủ Phạm Đình Đ đi cùng. Từ ngày 29/9/2021 đến ngày 01/10/2021, H và Đ đã ba lần lén lút trộm cắp sắt tại ngôi nhà 03 tầng của Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng 568 (sau đây gọi tắt là Công ty cổ phần tư vấn) thuộc tổ dân phố Phần Dững, phường Anh Dững, quận Dương Kinh. Trong đó có 02 lần Trương Văn L cho Đ và H mượn xe 3 bánh để chở sắt trộm cắp về bán cho L, cụ thể các lần như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 01 giờ ngày 29/9/2021, H đi xe mô tô 15 C1- 272.50 chở Đ đến Công ty Cổ phần tư vấn, quan sát thấy không có người trông coi, H để xe ở ngoài rồi cùng Đ trèo qua tường bao phía sau vào trong nhà lấy 06 tấm sắt (02

tấm sắt hình chữ L, 04 tấm sắt hình chữ V). Sau khi mang ra ngoài, H điều khiển xe chở Đ ngồi sau ôm 06 tấm sắt đến nghĩa trang phường Đồng Hòa, quận Kiến An cất giấu. Sau đó, H gặp bạn tên Cường (không biết lai lịch, địa chỉ), H nói với Cường vừa trộm cắp được khuôn sắt và nhờ Cường đi bán hộ, Cường đồng ý. Đến 07 giờ cùng ngày, H chở Cường đến nhà Đ để Cường và Đ đi bán sắt còn H về nhà. Đ, Cường đến cửa hàng thu mua sắt vụn của L ở số 249 đường Đồng Hòa gặp L nói về việc muốn bán một số sắt để ở nghĩa trang, L đồng ý mua. L điều khiển xe mô tô kéo theo xe 3 bánh tự chế cùng Đ, Cường đến nghĩa trang phường Đồng Hòa cân 06 tấm sắt được 81kg, L trả cho Đ 690.000 đồng. Số tiền này Đ cho Cường 230.000 đồng, đưa cho H 230.000 đồng nhưng H không lấy nên Đ cầm cả 460.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 21 giờ ngày 29/9/2021, H gọi điện cho Đ bảo chuẩn bị xe kéo để trộm cắp được nhiều sắt hơn. Đ đến nhà L hỏi mượn xe 3 bánh để đi chở sắt về bán cho L. Lúc này L mới biết Đ mượn xe để đi trộm cắp nhưng vì Đ mang sắt về bán cho L nên L đồng ý. Khoảng hơn 23 giờ, H đến nhà Đ buộc xe 3 bánh vào đuôi xe mô tô của H rồi điều khiển chở Đ kéo theo xe 3 bánh tiếp tục đến Công ty Cổ phần tư vấn. Đến nơi, Đ trèo tường vào trong nhà, H dùng 01 thanh sắt tròn dài khoảng 40cm phá ổ khóa cửa chính, mở cửa đi vào trong cùng Đ chuyển khuôn sắt ra xe kéo, khi xe đã đầy H điều khiển chở Đ kéo theo xe 3 bánh chở sắt về. Trên đường về, Đ gọi điện cho L ra kéo xe chở sắt về cửa hàng còn H và Đ về nhà. Đến 06 giờ ngày 30/9/2021, H và Đ đến nhà L cân số sắt trộm cắp được là 333 kg, L trả cho Đ, H 3.100.000 đồng, mỗi người chia nhau 1.550.000 đồng.

Lần thứ 3: Khoảng 20 giờ 45 phút ngày 30/9/2021 Đ đến nhà L mượn xe kéo 3 bánh về nhà, đến khoảng 0 giờ 30 phút ngày 01/10/2021 H điều khiển xe mô tô đến nhà Đ chở Đ đi trộm cắp sắt, với cách thức và địa điểm giống như lần trộm cắp thứ hai, H và Đ tiếp tục lấy 04 hộp khuôn sắt hình chữ nhật; 15 tấm sắt hình chữ V; 10 tấm sắt hình chữ L. Sau đó H điều khiển xe mô tô chở Đ và kéo theo xe kéo 3 bánh chở sắt về. Trên đường về Đ gọi điện thoại cho L đến khu vực chợ Hương thuộc phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh để chở sắt về. L điều khiển xe mô tô đến tổ 1 phường Hưng Đạo quận Dương Kinh thì gặp Đ, H. Đến khoảng 03 giờ 45 phút ngày 01/10/2021, khi Đ đang tháo xe 3 bánh từ xe H để buộc vào xe mô tô của L thì lực lượng công an phường Hưng Đạo kiểm tra đưa H, Đ, L cùng tang vật về công an phường để giải quyết.

Kết quả định giá tài sản của các lần trộm cắp như sau:

Lần thứ nhất: Kết luận định giá số 23/KL-HĐ ngày 04/11/2021 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự quận Dương Kinh, kết luận: 02 tấm sắt hình chữ L có kích thước 108 x 26cm, cạnh chữ L kích thước 22 x 26cm tại thời điểm định giá có giá 260.000 đồng; 04 tấm sắt hình chữ V có kích thước có kích thước 25,5x107cm, cao 30cm tại thời điểm định giá có giá 720.000 đồng. Tổng giá trị 980.000 đồng.

Lần thứ 2: Kết luận định giá số 24/KL-HĐ ngày 05/11/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự quận Dương Kinh kết luận: 08 tấm sắt hình chữ V có kích thước có kích thước 25,5 x 107cm, cao 30cm tại thời điểm định giá có giá 1.440.000 đồng; 19 tấm sắt hình chữ L có kích thước 108 x 26cm, cạnh chữ L kích thước 22 x 26cm tại thời điểm định giá có giá 2.470.000 đồng. Tổng giá trị 3.910.000 đồng.

Lần thứ 3: Kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐ ngày 07/10/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự quận Dương Kinh, kết luận: 04 khuôn hộp hình chữ nhật bằng sắt có kích thước 26,5 x 107cm, cao 30cm tại thời điểm định giá có giá 1.240.000 đồng, 15 tấm sắt hình chữ V có kích thước 25,5 x 107cm, cao 30cm tại thời điểm định giá có giá 2.700.000 đồng, 10 tấm sắt hình chữ L có kích thước 108 x 26cm cạnh chữ L có kích thước 22 x 26cm tại thời điểm định giá có giá 1.300.000 đồng. Tổng giá trị 5.240.000 đồng.

Vật chứng: 04 khuôn hộp hình chữ nhật bằng sắt có kích thước 26,5 x 107cm, cao 30cm; 27 tấm sắt hình chữ V 25,5 x 107cm, cao 30cm; 31 tấm sắt hình chữ L có kích thước 108 x 26cm, cạnh chữ L có kích thước 22 x 26cm. Cơ quan điều tra đã trả lại cho Công ty Cổ phần tư vấn. Xe mô tô 16R -1875 và 01 xe kéo 3 bánh, kết quả xác minh những tài sản này thuộc sở hữu của chị Phạm Thị Thanh, sinh năm 1990 đang sinh sống cùng L tại số 249 đường Đồng Hòa, phường Hồng Hòa, quận Kiến An, chị Thanh không biết L sử dụng những phương tiện trên để đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Thanh; 01 xe mô tô 15C1 - 272.50, Nguyễn Hồng H khai mua của một người tên Nguyễn Văn Anh ở gần khu công nghiệp Tràng Duệ với giá 6.000.000 đồng, kết quả điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp là chị Đỗ Thị Huệ, trú tại thị trấn An Dương, huyện An Dương, Chị Huệ bị mất chiếc xe này vào ngày 24/9/2021 chị đã trình báo cơ quan Công an huyện An Dương. Cơ quan điều tra đã trao đổi và chuyển chiếc xe trên đến Công an huyện An Dương để thụ lý điều tra theo thẩm quyền; 02 điện thoại di động đã qua sử dụng gồm: 01 điện thoại thu giữ của Trương Văn L nhãn hiệu OPPO màu đen, 01 điện thoại thu giữ của Phạm Đình Đ nhãn hiệu XIAOMI, màu đen chuyển Chi cục Thi hành án dân sự quận Dương Kinh quản lý.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty Cổ phần tư vấn đã nhận lại toàn bộ tài sản bị trộm cắp, không yêu cầu bồi thường và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Dương Kinh, Nguyễn Hồng H, Phạm Đình Đ và Trương Văn L khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 14-01-2022, Viện Kiểm sát nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng đã truy tố Nguyễn Hồng H, Phạm Đình Đ và Trương Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung cáo trạng, các bị cáo tỏ ra ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Dương Kinh tại phiên tòa trình bày luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, mức độ, tính nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng H với mức án từ 18 đến 24 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Đình Đ với mức án từ 12 đến 15 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Văn L với mức án từ 6 đến 9 tháng tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo vì điều kiện kinh tế khó khăn.

Buộc bị cáo H nộp lại số tiền 1.550.000đ, bị cáo Đ nộp lại số tiền 2.010.000 đồng tích thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng: Đề nghị trả lại 02 điện thoại cho Trương Văn L và Phạm Đình Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

- Về tội danh:

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 29/9/2021 đến ngày 01/10/2021, Nguyễn Hồng H và Phạm Đình Đ đã lợi dụng sơ hở của chủ tài sản, đã 03 lần lén lút chiếm đoạt nhiều khuôn sắt các loại của Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng 568 tại phường

Anh Dũng, quận Dương Kinh. Cụ thể, lần 1 vào hồi 01 giờ ngày 29/9/2021, chiếm đoạt tài sản trị giá 980.000 đồng; lần 2 vào hồi 21 giờ ngày 29/9/2021, chiếm đoạt tài sản trị giá 3.910.000 đồng; lần 3 ngày 01/10/2021 chiếm đoạt tài sản trị giá 5.240.000 đồng. Tổng trị giá tài sản H và Đ chiếm đoạt trong cả ba lần là 10.130.000 đồng. Đối với bị cáo Trương Văn L, mặc dù biết Phạm Đình Đ mượn xe kéo 03 bánh để đi trộm cắp tài sản trong các ngày 29/9/2021 và ngày 01/10/2021 (lần thứ 2 và lần thứ 3) nhưng vẫn cho Đ mượn. Bị cáo đã có hành vi cho H và Đ mượn xe làm phương tiện đi trộm cắp tài sản và giúp sức cho H, Đ vận chuyển tài sản trộm cắp được trong lần 2, lần 3 nên phải chịu trách nhiệm hình sự về giá trị tài sản chiếm đoạt 9.150.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân quận Dương Kinh truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ.

- Về vai trò của các bị cáo trong vụ án:

[3] Đây là vụ án có đồng phạm nên khi quyết định hình phạt cần căn cứ vai trò, tính chất, mức độ tham gia phạm tội của các bị cáo để cá thể hóa trách nhiệm hình sự theo quy định tại các Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này, Nguyễn Hồng H là người khởi xướng rủ Phạm Đình Đ và trực tiếp 03 lần đi trộm cắp tài sản nên giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo Phạm Đình Đ là người thực hành tích cực khi chủ động mượn xe của L làm phương tiện vận chuyển đồng thời cũng tham gia trực tiếp ba lần trộm cắp tài sản nên giữ vai trò thấp hơn H. Đối với bị cáo Trương Văn L, là người cho H và Đ mượn phương tiện và giúp sức vận chuyển tài sản trộm cắp trong các lần 2 và lần 3 nên giữ vai thấp hơn bị cáo Đ.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[4] Các bị cáo H và Đ đã ba lần trộm cắp tài sản, trong đó có 02 lần trộm cắp tài sản giá trị trên 2.000.000 đồng (lần 2 và lần 3). Riêng bị cáo H khi trộm cắp tài sản lần 1 trị giá dưới 2.000.000 đồng nhưng đã có tiền án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích nay lại phạm tội nên phải chịu trách nhiệm hình sự về lần phạm tội này. Bị cáo Trương Văn L đã đồng phạm với Đ và H trong trộm cắp tài sản thứ 2 và thứ 3. Vì vậy, các bị cáo Nguyễn Hồng H, Phạm Đình Đ và Trương Văn L đều phải chịu tình tiết tăng nặng “*phạm tội hai lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự (bị cáo H phạm tội 03 lần, các bị cáo Đ và L phạm tội 02 lần).

[4] Bị cáo Nguyễn Hồng H đã bị kết án, chưa được xóa án tích nay lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này bị coi là tái phạm. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5] Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Hồng H, Phạm Đình Đ và Trương Văn L đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Đây

là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được áp dụng đối với các bị cáo. Ngoài ra, bị hại trong vụ án cũng có đơn đề nghị xin giảm nhẹ cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo:

[6] Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của tổ chức, pháp nhân là khách thể được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy, cần phải có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân của các bị cáo.

[7.1] Bị cáo Nguyễn Hồng H là người giữ vai trò chính trong vụ án, có 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bản thân đã từng bị xét xử 04 lần về tội "Trộm cắp tài sản" (trong đó có 01 bản án chưa được xóa án tích), tuy đã chấp hành xong 03 bản án nhưng đều không lấy đó làm bài học cho bản thân để tự cải tạo mà lại tái phạm, tiếp tục phạm tội mới, thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Vì vậy, cần phải có hình phạt nghiêm khắc, áp dụng hình phạt tù, xử bị cáo trên mức khởi điểm của khung hình phạt và cao hơn các bị cáo còn lại.

[7.2] Đối với bị cáo Phạm Đình Đ, tuy bản thân không có tiền án tiền sự nhưng là người thực hành tích cực cùng với H 02 lần trộm cắp tài sản (tình tiết tăng nặng "phạm tội hai lần trở lên") nên cũng cần áp dụng hình phạt tù nhưng thấp hơn hình phạt của bị cáo H.

[7.3] Bị cáo Trương Văn L mặc dù có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng là đồng phạm có vai trò giúp sức cho hai bị cáo H và Đ thực hiện trộm cắp tài sản lần 2, lần 3 (tình tiết tăng nặng "phạm tội hai lần trở lên"); nhân thân đã từng bị xét xử về hành vi vi phạm pháp luật, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo không tốt. Vì vậy, cũng cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhưng bằng mức khởi điểm của khung hình phạt như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Dương Kinh để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[7.4] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy, điều kiện kinh tế của các bị cáo khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự:

[8] Bị hại không yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không phải xem xét giải quyết.

[9] Số tiền bị cáo H và Đ có được khi bán sắt cho L là tiền do phạm tội mà có (H được hưởng 2.010.000 đồng bị cáo Đ hưởng 1.550.000 đồng, các bị cáo đã chi tiêu hết). Lần mua sắt thứ nhất, L không biết các bị cáo bán tài sản do trộm cắp mà có nên đã trả cho Đ 690.000 đồng, L không yêu cầu nhận lại số tiền trên. Vì vậy cần buộc bị cáo H và Đ phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính của hai lần là

3.560.000 đồng (trong đó bị cáo Đ phải nộp lại 2.010.000 đồng, bị cáo cáo H nộp lại số tiền 1.550.000 đồng).

- Về vật chứng:

[10] 02 điện thoại di động đã qua sử dụng đã thu của bị cáo Đ và L không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí:

[11] Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

- Về quyền kháng cáo:

[12] Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 58; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng H 18 (mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 01-10-2021.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 58; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình, xử phạt bị cáo Phạm Đình Đ 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 01-10-2021.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 58; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Văn L 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bắt thi hành án, trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01-10-2021 đến ngày 06-01-2022.

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Hồng H phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính 1.550.000 (một triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng; bị cáo Phạm Đình Đ phải nộp lại số tiền 2.010.000 (hai triệu không trăm mười nghìn) đồng tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu các bị cáo chưa thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tại thời điểm thanh toán, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử: Trả lại cho bị cáo Trương Văn L 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO màu đen đã qua sử dụng; trả lại cho bị cáo Phạm Đình Đ 01 điện thoại nhãn hiệu

XIAOMI đã qua sử dụng nhưng được tạm giữ để đảm bảo thi hành án (vật chứng được niêm phong có chữ ký của các bị cáo theo Biên bản giao vật chứng ngày 18-01-2022 giữa Công an quận Dương Kinh và Chi cục Thi hành án quận Dương Kinh).

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp, miễn giảm, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ.

Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND quận Dương Kinh;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cơ quan Điều tra Công an quận Dương Kinh;
- Cơ quan THAHS quận Dương Kinh;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ CATP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Dương Kinh;
- Sở Tư pháp;
- Các bị cáo;
- UBND cấp xã nơi các bị cáo cư trú;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Thắng

